

Tuần 1 :

Thứ hai ngày 7 tháng 9 năm 20..

Tiết 1: CHÀO CỜ

TẬP CHUNG HỌC SINH TOÀN TRƯỜNG

TOÁN

Tiết 1: ĐỌC, VIẾT, SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

-Biết cách đọc, viết, so sánh các số có ba chữ số.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng đọc, viết các số có 3 chữ số.

3. Thái độ:

- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II. Đồ dùng.

- GV: - Bảng phụ có ghi sẵn nội dung bài tập 1.

- HS : -SGK, thước kẻ, bài tập

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của trị
1'	1. Ổn định		
4'	2. Kiểm tra	-Kiểm tra sách , vở, đồ dùng học tập toán của HS.	-HS mang sách vở ra để kiểm tra.
32'	3. Bài mới Giới thiệu bài Ôn tập a. Ôn tập về cách đọc số : Bài 1 -Biết cách đọc số có 3 chữ số. b. Ôn tập về thứ tự số: Bài 2 -Biết cách viết các số có 3 chữ số theo thứ tự lớn dần và ngược lại	*Hôm nay các em sẽ được ôn tập về đọc, viết và so sánh các số có ba chữ số. - GV đọc cho HS viết các số sau theo lời đọc: 456 (đọc : Bốn trăm năm mươi sáu), 227, 134, 506, 609, 780 - Viết lên bảng các số có ba chữ số (khoảng 10 số) Y/c HS nối tiếp nhau đọc các số được ghi trên bảng. -Treo bảng phụ ghi sẵn nội dung bài tập 2 lên bảng, Y/c HS cả lớp suy nghĩ và tìm số thích hợp điền vào các ô trống. + Phần a: Tại sao lại điền 312 vào sau 311? + Đây l dãy các số tự nhiên liên tiếp từ 310 đến 319, xếp theo thứ tự tăng dần. Mỗi số trong dãy số này bằng số đứng ngay trước nó cộng thêm 1. + phần b: Tại sao lại điền 398	-HS lắng nghe - 2 HS viết số trên bảng lớp, cả lớp viết vào bảng con. - HS nối tiếp nhau đọc các số được ghi trên bảng, cả lớp nghe và nhận xét. - Làm bài tập và nhận xét bài của bạn. -2 HS lên bảng lớp làm bài,cả lớp làm bài vào bảng con. -Vì số đầu tiên là 310, số thứ hai là 311, đến 310, 311 rồi thì đến 312. (Hoặc : Vì $310 + 1 = 311$, $311 + 1 = 312$ nn điền 312; hoặc 311

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của trị
4' 1'	<p>c. Ôn luyện về so sánh số và thứ tự số:</p> <p>Bài 3 -Biết điền dấu >, < vào o trống</p> <p>Bài 4 -Biết tìm số bé nhất và lớn nhất trong dãy số.</p> <p>4. <u>Củng cố</u> 5. <u>Dẫn dò</u></p>	<p>+ Đây l dãy số tự nhiên liên tiếp xếp theo thứ tự giảm dần. Từ 400 đến 391. Mỗi số trong dãy số này bằng số đứng ngay trước nó trừ đi 1.</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài tập 3 và hỏi: Bài tập Y/c chúng ta làm gì?</p> <p>- GV Y/c HS tự làm bài.</p> <p>- GV Y/c HS nhận xét bài của bạn trên bảng và hỏi: +Tại sao điền được $303 < 330$? -Hỏi tương tự với các câu còn lại.</p> <p>- Y/c HS nêu cách so sánh các số có 3 chữ số, cách so sánh các phép tính với nhau.</p> <p>- Y/c HS đọc đề bài sau đó đọc dãy số của bài.</p> <p>- Y/c HS tự làm bài.</p> <p>- Số lớn nhất trong dãy số trên l số nào?</p> <p>- Vì sao nói số 735 là số lớn nhất trong các số trên?</p> <p>- Số nào là số bé nhất trong các số trên? Vì sao?</p> <p>-Hôm nay chúng ta học nội dung gì?</p> <p>-Nhận xét giờ học</p> <p>-Chuẩn bị bài sau: Ôn phép cộng, trừ các số có 3 chữ số.</p>	<p>là số liền sau của 310, 312 l số liền sau của 311.) - Theo dõi v nhắc lại.</p> <p>- Vì $400 - 1 = 399$, $399 - 1 = 398$. (Hoặc: 399 là số liền trước của 400. 398 là số liền trước của 399.) - Theo dõi và nhắc lại.</p> <p>- Bài tập Y/c chúng ta so sánh các số. - 3 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào vở bài tập. $303 < 330$; $30 + 100 < 131$ $615 > 516$; $410 - 10 < 400 + 1$ $199 < 200$ $243 = 200 + 40 + 3$</p> <p>- Nhận xét bài bạn làm của bạn.</p> <p>- Vì hai số cùng có số trăm là 3 nhưng 303 có 0 chục, còn 330 có 3 chục. 0 chục b hơn 3 chục nn 303 b hơn 330.</p> <p>- Làm theo Y/c của GV với các câu còn lại.</p> <p>-các số: 375; 421; 573; 241; 735; 142.</p> <p>-Cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>- 375; 421; 573; (241); 735 ; 142.</p> <p>- Vì 735 có số trăm lớn nhất.</p> <p>-375; 421; 573; 241; 735; 142 . vì số 142 có số trăm bé nhất.</p>

Thứ ba ngày 8 tháng 9 năm 20..

Tiết 1: TOÁN

Tiết 2 : **CỘNG, TRỪ CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (không nhớ)**

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Biết cộng trừ các số có 3 chữ số (không nhớ) và giải toán có lời văn về nhiều hơn, ít hơn.

2. Kỹ năng

- Rèn cho HS có kỹ năng giải toán có lời văn.

3. Thái độ

- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II. Đồ dùng

- GV: - Bảng phụ

- HS : - SGK, thước kẻ, bài tập

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1' 4'	1. Ôn định 2. Kiểm tra	-Gọi HS lên bảng làm bài tập Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm 560 ... 506 80 + 200 ... 280 630 - 30 ... 600 + 1 Xếp các số : 346, 436, 634, 463, 364, 643 a) Theo thứ tự từ bé đến lớn. b) Theo thứ tự từ lớn đến b.	-HS lên bảng chữa bài tập -HS khác nhận xét
32'	3. Bài mới Giới thiệu bài Ôn tập *Ôn tập về cách cộng trừ Bài 1 -Biết cách cộng ,trừ các số có 3 chữ số. Bài 2 -Biết cách đặt tính rồi tính.	-GV nhận xét, cho điểm HS . *Tiết Toán hôm nay các em sẽ được ôn tập về cộng, trừ không nhớ các số có ba chữ số. -Bài tập Y/c chúng ta làm gì? - Y/c HS tự làm bài tập. -GV nhận xét cho điểm. - Gọi HS đọc Y/c của đề bài. - Y/c HS làm bài. - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng của bạn (nhận xét cả về đặt	-HS lắng nghe - Bài tập Y/c tính nhẩm. - Làm bài. a) $400 + 300 = 700$ $700 - 300 = 400$ $540 - 40 = 500$ b) $500 + 40 = 540$ $700 - 400 = 300$ $540 - 500 = 40$ c) $100 + 20 + 4 = 124$ $300 + 60 + 7 = 367$ $800 + 10 + 5 = 815$ - 9 HS nối tiếp nhau nhẩm từng phép tính.

<p>4' 1'</p>	<p>*Ôn tập về giải toán về nhiều hơn và ít hơn.</p> <p>Bài 3 -Biết cách giải bài toán về ít hơn.</p> <p>Bài 4 -Biết cách giải bài toán về nhiều hơn.</p> <p>4. <u>Củng cố</u> 5. <u>Dặn dò</u></p>	<p>tính và kết quả phép tính).</p> <p>-Y/c 2 HS vừa lên bảng lần lượt nêu rõ cách tính của mình.</p> <p>- Nhận xét , cho điểm HS .</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>- Bài toán cho Biết gì ?</p> <p>- Bài toán hỏi gì?</p> <p>- Y/c HS làm bài.</p> <p style="text-align: center;"><u>Tóm tắt</u></p> <p>Khối Một : 245 HS Khối Hai ít hơn khối Một : 32 HS Khối Hai : . ? . HS</p> <p>- Chữa bài , điểm HS .</p> <p>- Y/c HS đọc đề bài.</p> <p>- Bài toán cho Biết gì ?</p> <p>- Bài toán hỏi gì?</p> <p>- Y/c HS làm bài.</p> <p>- Gọi HS nhận xét bài làm bạn</p> <p>- Chữa bài nhận xét</p> <p>- Giải bài toán về nhiều hơn ta thực hiện phép tính gì?</p> <p>- Giải bài toán về ít hơn ta thực hiện phép tính gì?</p> <p>- Về nh ôn tập thêm về cộng trừ các số có ba chữ số (không nhớ) và giải bài toán về nhiều hơn, ít hơn.</p> <p>- GV nhận xét tiết học</p> <p>-Chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- Đặt tính rồi tính.</p> <p>- 2 em lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p style="text-align: center;"> $\begin{array}{r} 352 \\ + 732 \\ \hline 395 \end{array}$ </p> <p style="text-align: center;"> $\begin{array}{r} 416 \\ + 511 \\ \hline 44 \end{array}$ </p> <p style="text-align: center;"> $\begin{array}{r} 768 \\ + 221 \\ \hline 619 \end{array}$ </p> <p>351</p> <p>- HS nhận xét bài làm của bạn</p> <p>- 1 HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi và đọc thầm.</p> <p>- Khối lớp Một có 245 HS.</p> <p>- Số HS khối lớp Hai ít hơn số HS của khối lớp Một 32 em.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Giải</u></p> <p>Khối Hai có số HS là: $245 - 32 = 213$ (HS)</p> <p style="text-align: center;"><u>Đáp số:</u> 213 HS</p> <p>- 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Bài toán hỏi gì tiền của một tem thư.</p> <p>- Giá tiền của một tem thư nhiều hơn giá tiền của một phong bì 200 đồng.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Giá tiền của một tem thư là: $200 + 600 = 800$ (đồng)</p> <p style="text-align: center;"><u>Đáp số</u> : 800 đồng</p> <p>- HS nhận xét bài làm của bạn</p>
------------------	--	---	---

Thứ tư ngày 9 tháng 9 năm 20..

Tiết 1: TOÁN

Tiết 3 : LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu.

1. Kiến thức:

- Biết cách cộng, trừ các số có 3 chữ số (không nhớ).
- Biết giải bài toán về “tìm x”, giải toán có lời văn .

2. Kỹ năng:

- Rèn cho HS có kỹ năng cộng, trừ các số có 3 chữ số nhanh, thành thạo.

3. Thái độ:

- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II. Đồ dùng.

- GV: - Bảng phụ
- HS : - SGK, thước kẻ, bài tập

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1' 4'	1. Ôn định 2. Kiểm tra	-Gọi 2 HS lên bảng, cả lớp làm vào bảng con bài tập sau. 466 + 318 ; 624 - 259; 356 - 219 - GV nhận xét cho điểm.	-HS lên bảng chữa bài -HS khác nhận xét
32'	3. Bài mới Giới thiệu bài Ôn tập Bài 1 -Biết cách cộng, trừ các số có 3 chữ số. Bài 2 -Biết cách tìm số hạng, số bị trừ chưa biết .	* Giờ học hôm nay chúng ta đi luyện tập . - Y/c HS tự làm bài. + Đặt tính như thế nào? + Thực hiện tính từ đâu đến đâu? - Y/c HS tự làm bài. - Nêu cách tìm số bị trừ? - Muốn tìm số hạng chưa	-HS lắng nghe 2 HS lên bảng làm, HS cả lớp làm vở bài tập. a $\begin{array}{r} 324 \\ + 405 \\ \hline 729 \end{array}$ $\begin{array}{r} 761 \\ + 128 \\ \hline 889 \end{array}$ $\begin{array}{r} 25 \\ + 721 \\ \hline 746 \end{array}$ b $\begin{array}{r} 645 \\ - 302 \\ \hline 343 \end{array}$ $\begin{array}{r} 666 \\ - 333 \\ \hline 333 \end{array}$ $\begin{array}{r} 485 \\ - 72 \\ \hline 413 \end{array}$ + Đặt tính sao cho hàng đơn vị thẳng hàng đơn vị, hàng chục thẳng hàng chục, hàng trăm thẳng hàng trăm. + Thực hiện tính từ phải sang trái. - 2 HS lên bảng làm, HS cả lớp làm bài vào vở. x - 125 = 344 -Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ. -Muốn tìm số hạng chưa biết

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
4' 1'	<p>Bài 3</p> <p>-Biết tóm tắt v giải bìa toán đơn.</p> <p>4. <u>Củng cố</u></p> <p>5. <u>Dẫn dò</u></p>	<p>biết ta làm như thế nào ?</p> <p>- Chữa bài, cho điểm HS .</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>- Bài toán cho Biết gì ?</p> <p>- Bài toán hỏi gì ?</p> <p>- Y/c HS làm bài vào vở.</p> <p>- Chữa bài, cho điểm HS .</p> <p>- Nêu cách tìm số bị trừ?</p> <p>- Muốn tìm số hạng chưa Biết em làm như thế nào?</p> <p>- GV nhận xét tiết học.</p> <p>- Chuẩn bị bài sau: Cộng các số có 3 chữ số (có nhớ 1 lần)</p>	<p>ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.</p> <p>- 2 HS đọc</p> <p>- Đội đồng diễn thể dục có tất cả 285 người.</p> <p>- Trong đó có 140 nam.</p> <p>- Số nữ trong đội đồng diễn l bao nhiêu?</p> <p>- 1 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.</p> <p><u>Bài giải</u></p> <p>Số nữ có trong đội đồng diễn l:</p> <p>$285 - 140 = 145$ (người)</p> <p>Đáp số : 145 người.</p> <p>-HS nêu</p>

Thứ năm ngày 10 tháng 9 năm 20..

Tiết 1: **TOÁN**

CỘNG CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (có nhớ một lần)

Tiết 4:

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Biết cách thực hiện phép cộng các số có ba chữ số (có nhớ một lần sang hàng chục hoặc sang hàng trăm).
- Tính độ dài đường gấp khúc.

2. Kỹ năng

- Rèn cho HS có kỹ năng cộng có nhớ và tính thành thạo đường gấp khúc .

3. Thái độ

- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II. Đồ dùng

- GV: - Bảng phụ
- HS : - SGK, thước kẻ, bài tập

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1'	1. Ôn định		
4'	2. Kiểm tra	-Gọi 2 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào bảng con. $x - 124 = 437$ $x + 358 = 682$	-HS lên bảng chữa bài -HS khác nhận xét
32'	3. Bài mới Giới thiệu bài Hướng dẫn thực hiện phép cộng các số có ba chữ số (có nhớ một lần) -Biết cách cộng số có 3 chữ số cho số có 3 chữ số.	-GV nhận xét , cho điểm HS. * Giờ học hôm nay chúng ta tiếp tục học Cộng các số có ba chữ số. - Viết lên bảng phép tính $435 + 127 = ?$ -Y/C HS đặt tính theo cột dọc. - Y/c HS cả lớp suy nghĩ v tự thực hiện phép tính trên. + Chúng ta bắt đầu tính từ hàng nào? + Hãy thực hiện cộng các đơn vị với nhau. + 12 gồm mấy chục v mấy đơn vị? + Vậy ta viết 2 vào hàng đơn vị v nhớ 1 sang hàng chục. + Hãy thực hiện cộng các chục với nhau. + 5 chục, thêm một chục 1 mấy chục? +Vậy 3 cộng 2 bằng 5, thêm một bằng 6, viết 6 vào hàng chục. + Hãy thực hiện cộng các số trăm với nhau.	-HS lắng nghe - 1 HS lên bảng thực hiện, cả lớp làm vào bảng con. $435 * 5 + 7$ bằng 12,viết 2 nhớ 1 $127 * 3 + 2$ bằng 5, thêm 1 bằng 6 562 6 viết 6. * $4 + 1$ bằng 5 viết 5. + Tính từ hàng đơn vị. + 5 cộng 7 bằng 12. +12 gồm 1 chục v 2 đơn vị. + Viết 2 nhớ 1. + 3 cộng 2 bằng 5. + 5 chục thêm một chục 1 6 chục.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh												
		<p>+ Vậy 435 cộng 127 bằng bao nhiêu?</p> <p>* Phép cộng 256 + 162:</p> <p>- Tiến hành các bước tương tự như phép cộng 435 + 127.</p> <p>* <u>Lưu ý:</u></p> <p>+ Phép cộng 435 + 127 = 562 1 phép cộng có nhớ 1 lần từ hàng đơn vị sang hàng chục.</p> <p>+ Phép cộng 256 + 162 = 418 1 phép cộng có nhớ 1 lần từ hàng chục sang hàng trăm.</p> <p>- Nêu Y/c của bài</p> <p>- Cho HS tự làm rồi lên bảng chữa bài</p> <p>- Chữa bài nhận xét, cho điểm HS</p>	<p>+ 4 cộng 1 bằng 5 viết 5.</p> <p>+ 435 cộng 127 bằng 562.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở.</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>256</td> <td>417</td> <td>555</td> <td>146</td> </tr> <tr> <td><u>125</u></td> <td><u>168</u></td> <td><u>209</u></td> <td><u>214</u></td> </tr> <tr> <td>381</td> <td>585</td> <td>764</td> <td>360</td> </tr> </table> <p>- HS nêu cách thực hiện</p> <p>- Bài toán yêu/c đặt tính v tính.</p> <p>- Thực hiện từ phải sang tri.</p> <p>- 2HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.</p> <p>- Nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>- Tính độ dài đường gấp khác ABC.</p> <p>- Ta tính tổng độ dài các đoạn thẳng của đường gấp khác đó.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào vở.</p>	256	417	555	146	<u>125</u>	<u>168</u>	<u>209</u>	<u>214</u>	381	585	764	360
256	417	555	146												
<u>125</u>	<u>168</u>	<u>209</u>	<u>214</u>												
381	585	764	360												
	<p>Bài 1 -Biết cách cộng</p> <p>Bài 2 -Biết cách cộng</p> <p>Bài 3 -Biết cách đặt tính rồi tính</p> <p>Bài 4 -Tính được độ dài đường gấp khác</p>	<p>- Bài Y/c chúng ta làm gì?</p> <p>- Cần chú ý điều gì khi đặt tính?</p> <p>- Thực hiện tính từ đâu đến đâu?</p> <p>- GV Y/c HS làm bài.</p> <p>- Gọi HS nhận xét bài của bạn, nhận xét về cả đặt tính và kết quả tính.</p> <p>- Nhận xét, cho điểm HS.</p> <p>- Gọi HS đọc y/c của bài.</p> <p>- Muốn tính độ dài đường gấp khác ta làm như thế nào?</p> <p>- Y/c HS tính độ dài đường gấp khác ABC.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét</p> <p>- Khi đặt tính chúng ta cần chú ý điều gì? Thực hiện tính từ đâu đến đâu?</p> <p>- Nêu cách tính độ dài đường gấp khác?</p> <p>- GV nhận xét tiết học.</p> <p>- Chuẩn bị bài sau: Luyện tập</p>	<p>- HS nêu cách thực hiện</p> <p>- Bài toán yêu/c đặt tính v tính.</p> <p>- Thực hiện từ phải sang tri.</p> <p>- 2HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.</p> <p>- Nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>- Tính độ dài đường gấp khác ABC.</p> <p>- Ta tính tổng độ dài các đoạn thẳng của đường gấp khác đó.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Độ dài đường gấp khác ABC là:</p> <p style="text-align: center;">$126 + 137 = 263 \text{ (cm)}$</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: 263 cm</p> <p>-HS thực hiện theo Y/c</p>												
4' 1'	<p>4. <u>Củng cố</u></p> <p>5. <u>Dặn dò</u></p>														

Thứ sáu ngày 11 tháng 9 năm 20..

Tiết 1 : **Đạo đức**

Đ/c Hà (hp) dạy

.....
Tiết 2: **TOÁN**

Tiết 5: **LUYỆN TẬP**

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Củng cố cách tính cộng, trừ các số có ba chữ số (có nhớ một lần sang hàng chục hoặc sang hàng trăm).

2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng cộng, trừ các số có 3 chữ số thành thạo, nhanh, chính xác.

3. Thái độ:

- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II. Đồ dùng

- GV: - Bảng phụ, phấn màu

- HS : - SGK, thước kẻ, bài tập

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của trị
1'	1. Ôn định		
4'	2. Kiểm tra	-Gọi HS lên sửa bài tập 252 352 186 376 <u>186</u> <u>461</u> <u>263</u> <u>132</u> 438 813 449 508	-4 HS lên bảng chữa bài -HS khác nhận xét
32'	3. Bài mới Giới thiệu bài Luyện tập Bài 1 -Biết cách cộng	- GV nhận xét, cho điểm HS. *Giờ học hôm nay chúng ta đi luyện tập cách cộng số có 3 chữ số cho số có 3 chữ số. -Gọi HS đọc y/c bài - Cho HS tự làm bài. - Y/c từng HS vừa lên bảng nêu r cách thực hiện phép tính của mình. HS cả lớp theo dõi nhận xét bài làm của bạn. - Chữa bài, nhận xét - Bài Y/c chúng ta làm gì? - Y/c HS nêu cách đặt tính, cách thực hiện phép tính rồi làm bài. - Gọi HS nhận xét bài của bạn, nhận xét về cả cách đặt tính v kết	-HS lắng nghe - 1 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào vở. 367 487 85 <u>120</u> 302 <u>72</u> 487 789 <u>157</u> - HS nêu cách thực hiện của mình. - Đặt tính v tính. - Đặt tính sao cho hàng đơn vị thẳng hàng đơn vị, chục thẳng hàng chục, trăm thẳng hàng trăm. - Thực hiện tính từ phải sang tri. - 4 HS lên bảng làm, cả lớp

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của trị
	<p>Bài 3</p> <p>-Biết cách giải bìa toán theo tóm tắt.</p>	<p>quả tính.</p> <p>- Chữa bài và cho điểm HS .</p> <p>- Y/c HS nhìn tóm tắt đọc y/c bài toán.</p> <p>- Thàng thứ nhất có bao nhiêu lít dầu?</p> <p>- Thàng thứ hai có bao nhiêu lít dầu?</p> <p>- Bài toán hỏi gì?</p> <p>- Y/c HS dựa vào tóm tắt để đọc thành bài toán.</p> <p>- Y/c HS làm bài.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét v cho điểm HS .</p>	<p>làm bài vào vở.</p> <p>a 367 487 b 93 58</p> <p><u>125</u> <u>130</u> <u>58</u> <u>503</u></p> <p>492 617 151 561</p> <p>- Nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>- Đọc thầm đề bài.</p> <p>- Thàng thứ nhất có 125 lít dầu.</p> <p>- Thàng thứ hai có 135 lít dầu.</p> <p>- Hỏi cả hai thàng có bao nhiêu lít dầu?</p> <p>- Thàng thứ nhất có 125 lít dầu. Thàng thứ hai có 135 lít dầu. Hỏi cả hai thàng có bao nhiêu lít dầu?</p> <p><u>Bài giải</u></p> <p>Cả hai thàng có số lít dầu l:</p> <p>$125 + 135 = 260$ (lít)</p> <p><u>Đáp số:</u> 260 lít</p> <p>Tự làm bài vào vở.</p>
4' 1'	<p>Bài 4</p> <p>-Biết cách tính nhẩm.</p> <p>4. <u>Củng cố</u></p> <p>5. <u>Dặn dò</u></p>	<p>- Cho HS xác định Y/c của bài, sau đó tự làm bài.</p> <p>- Y/c HS nối tiếp nhau nhẩm từng phép tính trong bài.</p> <p>- Y/c 2 HS ngồi cạnh nhau đổi cho vở để kiểm tra bài của nhau.</p> <p>-Nhận xét chữa sai</p> <p>- Nêu các đặt tính và thực hiện phép tính với số có ba chữ số?</p> <p>- Về nhà làm bài tập sau:</p> <p>- Chuẩn bị bài : Trừ các số có ba chữ số (có nhớ một lần)</p> <p>- GV nhận xét tiết học</p>	<p>- HS nối tiếp nhau nhẩm từng phép tính trước lớp.</p> <p>- Đổi cho vở kiểm tra bài lẫn nhau.</p> <p>- Thực hiện theo Y/c</p> <p>Tính nhẩm:</p> <p>a. $310 + 40 = 350$</p> <p>$150 + 250 = 400$</p> <p>$450 - 150 = 300$</p> <p>b. $400 + 50 = 450$</p> <p>$305 + 45 = 350$</p> <p>$515 - 15 = 500$</p> <p>c. $100 - 50 = 50$</p> <p>$950 - 50 = 900$</p> <p>$515 - 415 = 100$</p> <p>- HS nêu</p>

Tuần 2 :

Thứ hai ngày 14 tháng 9 năm 20..

Tiết 1: CHÀO CỜ

Tập chung sân trường

Tiết 2: TOÁN

Tiết 6 : TRỪ CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (Có nhớ một lần)

I. Mục tiêu.

1. Kiến thức:

- Biết cách thực hiện phép trừ các số có ba chữ số (có nhớ một lần ở hàng chục hoặc hàng trăm).

2. Kỹ năng:

- Vận dụng phép cộng, trừ và giải toán có lời văn bằng phép trừ.

3. Thái độ:

- Yêu thích và ham học toán, có óc nhạy cảm sáng tạo.

II. Đồ dùng.

- GV: - Bảng phụ

- HS : - SGK, thước kẻ, bút

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4' 1' 10-12'	<p>1. Ôn định</p> <p>2. Kiểm tra</p> <p>3. Bài mới Giới thiệu bài</p> <p><u>2. Hướng dẫn thực hiện phép trừ các số có ba chữ số (có nhớ một lần).</u> -Biết cách đặt và thực hiện phép trừ.</p>	<p>-Gọi HS lên bảng sửa các bài tập về nhà</p> <p>-Nhận xét chữa bài cho điểm</p> <p>*Giờ học hôm nay các em học cách Trừ các số có ba chữ số (có nhớ một lần)</p> <p>a) <u>Phép trừ 432 - 215</u></p> <p>- Viết lên bảng phép tính 432 - 215 = ? và y/c HS đặt tính theo cột dọc.</p> <p>- Y/c HS cả lớp suy nghĩ và tự thực hiện phép tính trên.</p> <p>+ Chúng ta bắt đầu tính từ hàng nào?</p> <p>+ 2 không trừ được 5, vậy phải làm như thế nào? (gợi ý: bước tính này giống như ta thực hiện phép trừ số có hai chữ số cho một số, có nhớ.)</p> <p>+ Khi thực hiện trừ các đơn vị, ta đã mượn một chục sang hàng chục, vì thế trước khi thực hiện trừ các chục cho nhau, ta phải trả</p>	<p>-HS lên chữa bài tập</p> <p>-HS khác nhận xét</p> <p>-HS lắng nghe</p> <p>- 1 HS lên bảng thực hiện, cả lớp làm vào bảng con.</p> <p>432 215 217</p> <p>+ Tính từ hàng đơn vị.</p> <p>+ 2 không trừ được 5, mượn 1 chục của 3 chục thành 12, 12 trừ 5 bằng 7, viết 7, nhớ 1.</p> <p>+ Nghe giảng và cùng thực hiện trừ các số chục cho nhau: 1 thêm 1 bằng 2, 3 trừ 2 bằng 1, viết 1.</p>

<p>14-15'</p>	<p>3. Luyện tập Bài 1 -Biết cách trừ</p>	<p>một chục đã mượn. Có hai cách trả, thứ nhất nếu giữ nguyên số chục của số bị trừ thì ta cộng thêm một chục vào số chục của số trừ. Cụ thể trong phép trừ này là 1 thêm 1 bằng 2, 3 trừ 2 bằng 1, viết. Cách thứ hai, ta bớt luôn một chục ở số bị trừ rồi trừ các chục cho nhau, cụ thể là 3 bớt 1 bằng 2, 2 trừ 1 bằng 1, viết 1. * <u>Phép trừ 627 - 143:</u> - Tiến hành các bước tương tự như phép trừ 432 - 215 = 217 * + phép trừ 432 - 215 = 217 1 phép trừ có nhớ 1 lần ở hàng chục + Phép trừ 627 - 143 = 484 1 phép trừ có nhớ 1 lần ở hàng trăm - Gọi HS nêu y/c bài và tự làm - Y/c từng HS vừa lên bảng nêu ra cách thực hiện phép tính của mình. HS cả lớp theo dõi để nhận xét bài của bạn. - Chữa bài nhận xét - Gọi 1 HS đọc đề bài. - Tổng số tem của hai bạn là bao nhiêu? - Trong đó bạn Bình có bao nhiêu con tem? - Bài toán Y/c ta làm gì? - Y/c HS làm bài. - Chữa bài, nhận xét</p>	<p>+ 4 trừ 2 bằng 2, viết 2. - 2 HS thực hiện trước lớp, cả lớp theo dõi nhận xét.</p>
<p>4-5'</p>	<p>Bài 2 -Biết cách trừ</p> <p>Bài 3 -Biết cách tóm tắt và giải bài toán đơn</p> <p>4. Củng cố 5. Dặn dò</p>	<p>- 5 HS lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở. 541 422 564 783 <u>127</u> <u>114</u> <u>215</u> <u>356</u> 414 308 349 427 - HS nêu cách thực hiện của mình. - HS đọc y/c bài - Tổng số tem của hai bạn là 335 con tem. - Bạn Bình có 128 con tem. - Bài toán Y/c tìm số tem của bạn Hoa. - 1 em lên bảng làm bài Bài giải Số tem của bạn Hoa là: 335 - 128 = 207 (con tem) Đáp số : 207 con tem - HS nêu</p> <p>- Khi thực hiện phép trừ số có 3 chữ số cho số có 3 chữ số chúng ta cần chú ý điều gì? - Thực hiện tính từ đâu đến đâu? - GV nhận xét tiết học.</p>	<p>- 5 HS lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở. 541 422 564 783 <u>127</u> <u>114</u> <u>215</u> <u>356</u> 414 308 349 427 - HS nêu cách thực hiện của mình. - HS đọc y/c bài - Tổng số tem của hai bạn là 335 con tem. - Bạn Bình có 128 con tem. - Bài toán Y/c tìm số tem của bạn Hoa. - 1 em lên bảng làm bài Bài giải Số tem của bạn Hoa là: 335 - 128 = 207 (con tem) Đáp số : 207 con tem - HS nêu</p>

Thứ ba ngày 15 tháng 9 năm 20..

Tiết 1: TOÁN

Tiết 7:

LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Biết cách thực hiện tính cộng, trừ các số có ba chữ số (có nhớ một lần hoặc không có nhớ).

2. Kỹ năng:

- Vận dụng vào giải toán có lời văn về phép cộng hoặc phép trừ.

3. Thái độ:

- Yêu thích và ham học toán, có óc nhạy cảm sáng tạo.

II. Đồ dùng.

- GV: - Bảng phụ, phấn màu.

- HS : - SGK, thước kẻ, bút

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

T G	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS					
3- 4'	1. Ôn định 2. Kiểm tra	-Gọi HS lên chữa bài tập -GV nhận xét cho điểm	HS lên sửa bài tập 627 746 516 935 <u>443</u> <u>251</u> <u>342</u> <u>551-</u>					
1'	3. Bài mới Giới thiệu bài	*Giờ học hôm nay chúng ta đi luyện tập cách cộng, trừ các số có 3 chữ số cho số có 3 chữ số. - Nêu Y/c của bài toán và Y/c HS làm bài.	-HS lắng nghe					
28- 30'	2.Luyện tập <u>Bài 1</u> -Biết cách trừ <u>Bài 2.</u> Biết cách đặt tính rồi tính. <u>Bài 3.</u> -Biết cách tìm số bị trừ, số trừ, hiệu	- Y/c từng HS vừa lên bảng nêu rõ cách thực hiện phép tính của mình. HS cả lớp theo dõi nhận xét bài làm của bạn. -Nhận xét , cho điểm HS . -Cho HS tự làm rồi lên bảng chữa -GV nhận xét chữa sai. - Bài toán Y/c gì? - Y/c HS suy nghĩ và tự làm bài. - Nhận xét và cho điểm HS . -Gọi HS đọc bài làm của mình	- 2 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào bảng con. 567 868 387 100 <u>325</u> <u>528</u> <u>58</u> <u>75</u> 242 340 329 25 - HS nêu cách làm . -HS tự làm rồi lên bảng chữa - Bài toán Y/c điền số thích hợp vào ô trống. - 1 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở. <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>Số bị trừ</td> <td>752</td> <td>371</td> <td>621</td> <td>950</td> </tr> </table>	Số bị trừ	752	371	621	950
Số bị trừ	752	371	621	950				

T G	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS														
	<p><u>Bài 4.</u> -Biết cách giải bài toán theo tóm tắt.</p> <p><u>Bài 5:</u> -Biết cách tóm tắt và giải bài toán</p>	<p>- Y/c HS cả lớp đọc phần tóm tắt của bài toán. - Bài toán cho ta Biết những gì? - Bài toán hỏi gì? - Y/C HS dựa vào tóm tắt để đọc thành đề bài hoàn chỉnh.</p> <p>- Y/c HS làm bài. - Chấm một số bài, nhận xét và cho điểm HS .</p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Y/c HS suy nghĩ và tự làm bài. - Chữa bài, nhận xét và cho điểm HS .</p> <p>- Nêu cách tìm số trừ, số bị trừ chưa Biết ? -Khi thực hiện phép trừ có nhớ chúng ta cần chú ý gì? - Chuẩn bị bài sau: Ôn tập các bảng nhân. - GV nhận xét tiết học.</p>	<table border="1" data-bbox="987 226 1370 310"> <tr> <td>Số trừ</td> <td>426</td> <td>246</td> <td>390</td> <td>215</td> </tr> <tr> <td>Hiệu</td> <td>326</td> <td>125</td> <td>231</td> <td>735</td> </tr> </table> <p>- HS đọc thầm. - Ngày thứ nhất bán được 415 kg gạo. Ngày thứ hai bán được 325 kg gạo. - Cả hai ngày bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo? - 1 em lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p><u>Bài giải</u> Cả hai ngày cửa hàng đã bán được là: $415 + 325 = 740$ (kg) Đáp số :740 kg gạo</p> <p>- 1 em lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p><u>Bài giải</u> Số HS của khối lớp ba là: $165 - 84 = 81$ (HS) Đáp số : 81 HS</p>					Số trừ	426	246	390	215	Hiệu	326	125	231	735
Số trừ	426	246	390	215													
Hiệu	326	125	231	735													
3- 4'	<p><u>4.Củng cố</u> <u>5. Dẫn dò</u></p>		<p>-HS nêu</p>														

Thứ tư ngày 16 tháng 9 năm 20..

Tiết 1: **TOÁN**

Tiết 8 : **ÔN TẬP CÁC BẢNG NHÂN**

I. Mục tiêu.

1. Kiến thức.

- Thuộc các bảng nhân đã học (bảng nhân 2, 3, 4, 5).
- Biết nhân nhẩm với số HS trăm.

2. Kỹ năng.

- Vận dụng bảng nhân vào tính giá trị biểu thức, tính chu vi hình tam giác và giải toán có lời văn.

3. Thái độ:

- Yêu thích và ham học toán, có óc nhạy cảm sáng tạo.

II. Đồ dùng.

- GV: - Bảng phụ, phấn màu
- HS : - SGK, thước kẻ, bút

III. Các hoạt động dạy học.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	1. Ôn định 2. Kiểm tra	- Gọi HS sửa bài tập 542 660 727 <u>318</u> <u>251</u> <u>272</u> 224 409 455 -Nhận xét , cho điểm HS .	- HS sửa bài tập -HS khác nhận xét ,
1'	3. Bài mới Giới thiệu bài	* Giờ học hôm nay chúng ta ôn tập bảng nhân đã học -Cho HS ôn lại bảng nhân	-HS lắng nghe
28-30'	2. Ôn tập a. Ôn tập các bảng nhân. Bài 1. -Biết cách vận dụng bảng nhân vào bài	- Tổ chức cho HS Thái đọc thuộc lòng các bảng nhân 2, 3, 4, 5. - Y/c HS tự làm phần a) bài tập 1 vào vở, sau đó Y/c 2 HS ngồi cạnh đối chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau. - Hướng dẫn HS nhân nhẩm sau đó Y/c các em tự làm bài tập 1, phần b) (tính 2 trăm x 3 bằng cách nhẩm $2 \times 3 = 6$, vậy 2 trăm x 3 = 6 trăm viết là $200 \times 3 = 600$). - Y/c HS nhận xét bài của bạn. - Viết lên bảng biểu thức: $4 \times 3 + 10$ và Y/c HS cả lớp suy nghĩ để tính giá trị của biểu thức này. - Y/c HS cả lớp làm bài.	- HS thực hiện theo Y/c của GV. - 2 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở . HS nhận xét bài của bạn - HS thực hiện tính. $4 \times 3 + 10 = 12 + 10 = 22$
	b. Ôn Tính giá trị của biểu thức.		

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	<p><u>Bài 2.</u> -Biết cách tính giá trị của biểu thức</p> <p><u>Bài 3.</u> -Bết cách tóm tắt và giải bài toán đơn</p> <p><u>Bài 4.</u> -Biết cách tính chu vi hình tam giác.</p> <p><u>3.Củng cố</u> <u>dẫn dò</u></p>	<p>- Nhận xét , cho điểm HS .</p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài. - Trong phòng ăn có mấy cái bàn? - Mỗi cái bàn xếp mấy cái ghế? - Vậy 4 cái ghế được lấy mấy lần? - Y/c HS làm bài.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét và cho điểm HS .</p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài. - Hãy nêu cách tính chu vi của một hình tam giác. - Hãy nêu độ dài các cạnh của tam giác ABC. - Hình tam giác ABC có điểm gì đặc biệt? - Hãy suy nghĩ để tính chu vi của hình tam giác này bằng 2 cách. - Y/c HS trả lời miệng chu vi của tam giác - Chữa bài, nhận xét - Nêu cách tính chu vi hình tam giác. -HS đọc lại bảng nhân - Chuẩn bị bài: Ôn tập các. ..chia. - GV nhận xét tiết học.</p>	<p>- 3 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở. a. $5 \times 5 + 18 = 25 + 18 = 43$ b. $5 \times 7 - 26 = 35 - 26 = 9$ c. $2 \times 2 \times 9 = 4 \times 9 = 36$</p> <p>- Trong phòng ăn có 8 cái bàn, cứ mỗi cái bàn xếp 4 cái ghế. Hỏi trong phòng ăn có bao nhiêu cái ghế? - Trong phòng ăn có 8 cái bàn. - Mỗi cái bàn xếp 4 cái ghế. - Vậy 4 cái ghế được lấy 8 lần.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p><u>Bài giải</u> Số ghế có trong phòng ăn là: $4 \times 8 = 32$ (cái ghế) Đáp số : 32 cái ghế.</p> <p>- Tính chu vi của hình tam giác có kích thước ghi trên hình vẽ. - Muốn tính chu vi của một hình tam giác, ta tính tổng độ dài các cạnh của hình tam giác đó. - Độ dài cạnh AB là 100cm, cạnh BC là 100 cm, cạnh AC là 100 cm. - Tam giác ABC có độ dài 3 cạnh bằng nhau và bằng 100 cm - <u>C 1:</u> Chu vi tam giác ABC là: 300 (cm) <u>C2:</u> Chu vi tam giác ABC là: $100 \times 3 = 300$ (cm)</p>

Thứ năm ngày 17 tháng 9 năm 20..

Tiết 1: TOÁN

Tiết 9: ÔN TẬP CÁC BẢNG CHIA

I. Mục tiêu.

1. Kiến thức:

- Thuộc được bảng chia đã học (bảng chia 2, 3, 4, 5).
- Biết tính nhẩm Thương của các số HS trăm khi chia cho 2, 3, 4 (phép chia hết).

2. Kỹ năng:

- Rèn cho HS có kỹ năng nhân, chia nhẩm nhanh, chính xác

3. Thái độ:

- Yêu thích và ham học toán, có óc nhạy cảm sáng tạo.

II. Đồ dùng.

- GV: - Bảng phụ, phấn màu.
- HS : - SGK, thước kẻ, bút

III. Các hoạt động dạy học dạy học.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	A. KTBC	-Gọi HS lên chữa bài -GV nhận xét cho điểm.	- 2 HS lên chữa bài tập. $5 \times 7 - 26 = 35 - 26$ $= 9$ $2 \times 2 \times 9 = 4 \times 9$ $= 36$
1'	B. Bài mới 1. GTB 2. Ôn tập a. Ôn tập	*Giờ học hôm nay chúng ta ôn tập bảng chia đã học từ bảng 2 đến bảng 5	-Nhận xét , cho điểm HS - HS thực hiện theo Y/c của GV.
28-30'	các bảng chia. Bài 1. - Thuộc được bảng chia Bài 2. -Biết cách chia nhẩm với số HS trăm. Bài 3. -Biết giải bài toán	- Tổ chức cho HS Thái đọc thuộc lòng các bảng chia 2, 3, 4, 5. - Y/c HS tự làm phần a) bài tập 1 vào vở, sau đó Y/c 2 HS ngồi cạnh đổi cho vở để kiểm tra bài lẫn nhau. - Hướng dẫn HS chia nhẩm sau đó Y/c các em tự làm bài tập 1, phần b) (tính 2 trăm : 2 bằng cách nhẩm 2 : 2 = 1, vậy 2 trăm : 2 = 1 trăm viết 1 200 : 2 = 100). - Y/c HS nhận xét bài của bạn. - Chữa bài, nhận xét - Gọi 1 HS đọc đề bài. - Có tất cả bao nhiêu cái cốc? - Xếp đều vào 4 hộp nghĩa là như	- 2 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở . -HS tự làm rồi lên bảng chữa -HS đọc y/c bài

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	<p>bảng 1 phép tính chia</p> <p><u>Bài 4:</u> -Biết cách nối kết quả với phép tính đúng</p> <p><u>3.Củng cố</u> <u>dẫn dò</u></p>	<p>thế nào?</p> <p>- Bài toán Y/c tính gì? - Y/c HS làm bài.</p> <p>- Nhận xét , cho điểm HS . - Tổ chức cho HS Thái nối nhanh phép tính với kết quả. + Chia lớp thành 2 đội, mỗi đội cử 7 bạn tham gia HS chơi, các HS khác cổ vũ động viên. + Chơi theo hình thức tiếp sức, mỗi HS được nối một phép tính với một kết quả, sau đó chuyển bút cho bạn khác cùng đội nối. + Mỗi phép tính đúng được 10 điểm đội nào xong trước được thưởng 20 điểm. - Tuyên dương đội thắng câuộc. - Y/c cả lớp làm lại bài vào vở.</p> <p>- Gọi một số HS đọc lại các bảng chia vừa ôn tập. - Về nhà ôn lại các bảng chia đã học. - Chuẩn bị bài: luyện tập - GV nhận xét tiết học.</p>	<p>- Có tất cả 24 cái cốc. - Nghĩa là chia 24 cái cốc thành 4 phần bằng nhau. -Tìm số cốc trong mỗi chiếc hộp. - 1 HS lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p><u>Bài giải</u> Số cốc có trong mỗi chiếc hộp là: $24 : 4 = 6$ (cái cốc) Đáp số : 6 cái cốc.</p> <p>- Chơi HS chơi theo hướng dẫn của GV. -HS chơi -HS làm bài vào vở -HS đọc bảng chia -HS lắng nghe.</p>

Thứ sáu ngày 18 tháng 9 năm 20..

Tiết 1: Đạo đức

Đ/c Hà (hp) dạy

Tiết 2 : **TOÁN**

Tiết 10: **LUYỆN TẬP**

I. Mục tiêu.

1. Kiến thức:

- Biết cách tính giá trị biểu thức liên quan đến phép nhân, phép chia nhận Biết số phần bằng nhau của đơn vị, giải toán có lời văn.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng vận dụng bảng nhân, chia vào tính giá trị của biểu thức và giải toán có lời văn.

3. Thái độ:

- Yêu thích và ham học toán, có óc nhạy cảm sáng tạo.

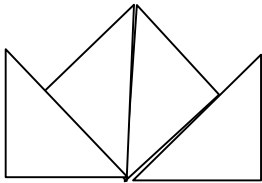
II. Đồ dùng.

- GV: - Bảng phụ, thước, phấn màu

- HS : - SGK, thước kẻ, bút, vở bài tập

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	A.KTBC	+ Gọi 2 HS lên bảng làm bài tập sau , cả lớp làm bài vào bảng con. $2 \times 9 : 3 \quad 40 : 5 \times 4$	-HS lên bảng chữa bài -HS khác nhận xét
1'	B.Bài mới 1.GTB	$32 : 4 \times 3$ + Chữa bài, nhận xét và cho điểm *Giờ học hôm nay chúng ta luyện tập về cách tính giá trị của biểu thức và tìm số phần bằng nhau của đơn vị.	-HS lắng nghe
28-30'	2.Ôn tập Bài 1 -Biết cách tính giá trị của biểu thức.	-Gọi HS đọc y/c bài - Y/c HS suy nghĩ làm bài. - Lưu ý biểu thức ở phần c) tính lần lượt từ trái sang phải. - Chữa bài, nhận xét	-HS đọc y/c bài - 3 HS lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở. a. $5 \times 3 + 132 = 15 + 132 = 147$ b. $32 : 4 + 106 = 8 + 106 = 114$ c. $20 \times 3 : 2 = 60 : 2$

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
	<p><u>Bài 2</u> -Biết tìm $\frac{1}{4}$ số con vịt trong mỗi hình.</p>	<p>- Y/c HS qua sát hình vẽ và hỏi: Hình nào đã khoanh vào một phần tư số con vịt? Vì sao?</p> <p>- Hình b đã khoanh vào một phần mấy số con vịt? Vì sao?</p>	<p>= 30</p> <p>- Hình a đã khoanh vào một phần tư số con vịt. Vì có tất cả 12 con vịt, chia thành 4 phần bằng nhau thì mỗi phần có 3 con vịt, hình a đã khoanh vào 3 con vịt.</p> <p>- Hình b đã khoanh vào một phần ba số con vịt. Vì có tất cả 12 con vịt, chia thành 3 phần bằng nhau thì mỗi phần có 4 con vịt, hình b đã khoanh vào 4 con vịt.</p>
	<p><u>Bài 3</u> -Biết tóm tắt và giải bài toán</p>	<p>- Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>- Y/c HS suy nghĩ và tự làm bài.</p>	<p>- 1 em lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Tóm tắt</u> 1 bàn : 2 HS 4 bàn : . . . HS?</p> <p style="text-align: center;"><u>Giải</u> Bốn bàn có số HS là: $2 \times 4 = 8$ (HS) Đáp số: 8 HS</p>
	<p><u>Bài 4</u> -Biết cách xếp hình đúng theo mẫu</p>	<p>- Nhận xét và cho điểm</p> <p>- Tổ chức cho HS Thái xếp hình trong thời gian 2 phút, nhóm nào có nhiều bạn xếp đúng nhất là nhóm đó thắng câu đố.</p> <p>-Nhận xét tuyên dương nhóm xếp đúng, nhanh</p>	<p>- Xếp thành hình chiếc mũ như sau:</p> <div style="text-align: center;">  </div>
3-4'	<p><u>3.Củng cố</u> <u>dẫn dò</u></p>	<p>- Gọi HS đọc lại các bảng chia đã học.</p> <p>- Chuẩn bị bài sau: ôn tập về hình học.</p> <p>- GV nhận xét tiết học.</p>	<p>-HS đọc bảng chia</p> <p>- HS thực hiện theo Y/c</p>

Tuần 3:

Thứ hai ngày 23 tháng 9 năm 20..

CHÀO CỜ

TOÁN

Tiết 11: ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC

I. Mục tiêu.

1. Kiến thức.

- Tính được độ dài đường gấp khác và tính chu vi hình tứ giác, hình tam giác.
- Cũng cố cho HS cách nhận dạng hình vuông, hình tứ giác, hình tam giác qua bài “đếm hình” vẽ hình.

2. Kỹ năng

- HS có kỹ năng tính chu vi hình tam giác, tứ giác nhanh, chính xác.

3. Thái độ:

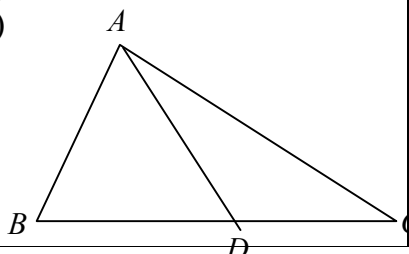
- Yêu thích và ham học toán, có óc nhạy cảm sáng tạo.

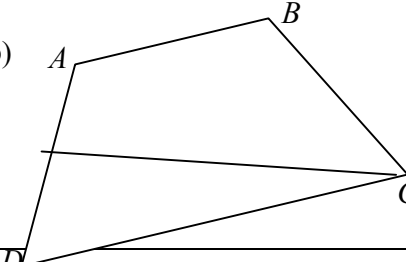
II. Đồ dùng.

- GV: - Bảng phụ, thước kẻ, phấn màu
- HS : - SGK, thước kẻ, bút

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	A.KTBC	- Gọi 2 HS lên bảng làm bài tập - Có 32 quyển sách, cô giáo phát cho 8 bạn. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu quyển sách? HS 2: $28 : 7 + 207$; $21 : 3 \times 4$	-HS lên bảng chữa bài -HS khác nhận xét
1'	B.Bài mới 1.GTB	- GV nhận xét và cho điểm HS . * Giờ học hôm nay chúng ta đi ôn tập về nhận Biết các hình và tính chu vi các hình đó.	-HS lắng nghe
28-30'	2.Ôn tập bài 1 -Biết cách tính độ dài đường gấp khác	-Gọi HS đọc Y/c phần a - Muốn tính độ dài đường gấp khác ta làm như thế nào? - Đường gấp khác ABCD có mấy	- Tính độ dài đường gấp khác ABCD. - Ta tính tổng độ dài của đường gấp khác đó.

<p><u>Bài 2</u> -Biết cách đo các cạnh của HCN rồi tính chu vi HCN đó</p> <p><u>Bài 3</u> -Nhận Biết được HV và đếm được số hình vuông đó.</p> <p><u>Bài 4</u> -Biết cách kẻ thêm một đoạn thẳng để hình đã cho thành 3 hình tam giác, 2 hình tứ giác</p> <p>3.Củng cố</p>	<p>đoạn thẳng. Đó là những đoạn thẳng nào? Hãy nêu độ dài của từng đoạn thẳng</p> <p>- Chữa bài, nhận xét</p> <p>- Y/c HS đọc đề bài phần b</p> <p>- Nêu cách tính chu vi của một hình?</p> <p>- Hình tam giác MNP có mấy cạnh đó là cạnh nào? Hãy nêu độ dài của từng cạnh.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài, nêu cách tính độ dài đoạn thẳng cho trước rồi thực hành tính chu vi của hình chữ nhật ABCD.</p> <p>-GV nhận xét cho điểm</p> <p>- Y/c HS quan sát hình và hướng dẫn các em đánh số thứ tự cho từng phần hình như hình bên.</p> <p>- Y/c HS đếm số hình vuông có trong hình vẽ bên và gọi tên theo hình đánh số.</p> <p>* Có bao nhiêu hình vuông? Đó là những hình nào?</p> <p>* Có bao nhiêu hình tam giác? Đó là những hình nào?</p> <p>- Y/C HS đặt tên các điểm có trong hình và gọi tên các hình tam giác, tứ giác có trong hình.</p> <p>- Câu b. có nhiều cách vẽ nhưng đoạn thẳng cần vẽ phải xuất phát từ một đỉnh của hình tứ giác.</p> <p>- HS nêu tên các tứ giác có trong hình vừa vẽ. Khuyến khích HS có thể có cách vẽ khác.</p>	<p>- Đường gấp khác ABCD gồm 3 đoạn thẳng tạo thành. Đó là những đoạn thẳng AB, BC, CD. Độ dài của đoạn thẳng AB 134 cm , BC 112 cm, CD 140 cm.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Độ dài đường gấp khác ABCD là:</p> $34 + 12 + 40 = 86 \text{ (cm)}$ <p style="text-align: right;">Đáp số : 86 cm</p> <p>b,</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Chu vi hình tam giác MNP là:</p> $34 + 12 + 40 = 86 \text{ (cm)}$ <p style="text-align: right;">Đáp số : 86 cm</p> <p>- 1 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Chu vi hình chữ nhật ABCD là: $3 + 2 + 3 + 2 = 10 \text{ (cm)}$</p> <p style="text-align: right;">Đáp số: 10 cm</p> <p>- Quan sát hình và đánh số</p> <div style="text-align: center;"> <table border="1" style="border-collapse: collapse; width: 100px; height: 100px;"> <tr> <td style="text-align: center; width: 50px; height: 50px;">1</td> <td style="text-align: center; width: 50px; height: 50px;">2</td> <td style="text-align: center; width: 50px; height: 50px;">3</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center; width: 50px; height: 50px;">6</td> <td style="text-align: center; width: 50px; height: 50px;">5</td> <td style="text-align: center; width: 50px; height: 50px;">4</td> </tr> </table> </div> <p>*Có 5 hình vuông, đó là: hình(1 + 2), hình 3, hình (4 + 5), hình 6 hình (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6).</p> <p>* Có 6 hình tam giác, đó là: hình 1, hình 2, hình 4, hình 5, H (2 + 3 + 4), H (1 + 6 + 5).</p> <p>a)</p> <div style="text-align: center;">  </div>	1	2	3	6	5	4
1	2	3						
6	5	4						

3-4'	dẫn dò	<ul style="list-style-type: none"> - Chữa bài, nhận xét - Nêu cách tính độ dài đường gấp khác? - Muốn tính chu vi hình tam giác ta làm như thế nào? - GV nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3 hình tam giác là: ABC, ABD, ADC. 
------	---------------	---	--

Thứ ba ngày 24 tháng 9 năm 20..

Tiên học

Đ/c: Thu dạy

TOÁN

Tiết 12: **ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN**

I. Mục tiêu.

1. Kiến thức:

- Biết cách giải bài toán về “nhiều hơn, ít hơn”.
- Biết cách giải bài toán về “hơn kém nhau một số đơn vị”

2. Kỹ năng:

- Rèn cho HS cách giải toán có lời văn nhanh, chính xác.

3. Thái độ:

- Yêu thích và ham học toán, có óc nhạy cảm sáng tạo.

II. Đồ dùng.

- GV: - Bảng phụ, thước kẻ, phấn màu
- HS : - SGK, thước kẻ, bút, Vở Bài tập.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4' 1'	A.KTBC B.Bài mới 1.GTB 2.Ôn tập	<ul style="list-style-type: none"> -Gọi 2 HS lên bảng làm bài tập -GV nhận xét cho điểm *Giờ học hôm nay chúng ta đi ôn tập về giải toán 	<ul style="list-style-type: none"> -HS lên bảng chữa bài -HS khác nhận xét -HS lắng nghe
28-30'	Bài 1 -Biết giải bài toán về nhiều hơn	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS đọc đề bài. - Y/c HS xác định về dạng của bài toán. - Hướng dẫn HS vẽ sơ đồ bài 	<ul style="list-style-type: none"> -HS đọc Y/c bài.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	bài toán về ít hơn 3.Củng cố <u>dẫn dõ</u>	- Gọi HS đọc đề bài - HS tóm tắt bài toán bằng sơ đồ sau đó trình bày bài giải. - GV nhận xét và cho điểm - Nêu cách tìm phần hơn của số lớn so với số bé? - Muốn tìm phần kém của số bé so với số lớn ta làm thế nào? - Chuẩn bị bài sau: Ôn tập về xem đồng hồ. - Nhận xét tiết học	Bài giải Số bạn nữ nhiều hơn số bạn nam là: $19 - 16 = 3$ (bạn) Đáp số : 3 bạn -HS nêu

Tiết 13: **TOÁN**
XEM ĐỒNG HỒ

I. Mục tiêu.

1.Kiến thức

- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào các số từ 1 đến 12.
- Củng cố biểu tượng về thời gian (chủ yếu là về thời điểm).
- Bước đầu có hiểu Biết về sử dụng thời gian trong thực tế đời sống hàng ngày.

2.Kỹ năng:

- Rèn cho HS có kỹ năng xem đồng hồ nhanh, chính xác

3.Thái độ:

- Yêu thích và ham học toán, có óc nhạy cảm sáng tạo.

II.Đồ dùng.

- GV: - Mô hình đồng hồ
- HS : - SGK, thước kẻ, bút, Vở Bài tập.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	A.KTBC B.Bài mới	- Gọi HS lên sửa bài tập - GV nhận xét và cho điểm	-HS lên bảng chữa -HS khác nhận xét

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
1'	1.GTB	*Giờ học hôm nay chúng ta ôn tập tiếp về cách xem đồng hồ.	-HS lắng nghe
12-13'	2.HD HS xem đồng hồ -Biết cách xem đồng hồ theo 2 cách	Hỏi :Một ngày có bao nhiêu giờ, bắt đầu từ bao giờ và kết thúc vào lúc nào? - Một giờ có bao nhiêu phút? - Quay kim đến 8 giờ và hỏi: Đồng hồ chỉ mấy giờ? - Quay kim đến 9 giờ và hỏi: Đồng hồ chỉ mấy giờ? - Khoảng thời gian từ 8 đến 9 giờ 1 bao lâu? - Nêu đường đi của kim giờ từ lúc 8 giờ đến lúc 9 giờ. - Nêu đường đi của kim phút từ lúc đồng hồ chỉ 8 giờ đến lúc đồng hồ chỉ 9 giờ. - Vậy kim phút đi được một vòng hết bao nhiêu phút? + Vậy kim phút đi được một vòng trên mặt đồng hồ (đi qua 12 số) hết 60 phút, đi từ một số đến số liền sau trên mặt đồng hồ hết 5 phút. - Quay kim đến 8 giờ và hỏi: Đồng hồ chỉ mấy giờ? - Quay kim đến 8 giờ 5 phút và hỏi: Đồng hồ chỉ mấy giờ? - Nêu vị trí của kim giờ và phút. + Khoảng thời gian kim phút đi từ số 12 đến số 1 là 5 phút. (5 phút x 1 = 5 phút). - Quay kim đến 8 giờ 15 phút và hỏi: Đồng hồ chỉ mấy giờ? - Nêu vị trí kim giờ và kim phút lúc 8 giờ 15 phút? - Vậy khoảng thời gian kim phút đi từ số 12 (lúc 8 giờ) đến số 3 là bao nhiêu phút? - GV hướng dẫn HS lấy 5 phút x 3 = 15 phút. - Làm tương tự với 8 giờ 30' - Y/c của bài tập là gì? - HS thảo luận nhóm 2	- Một ngày có 24 giờ, một ngày bắt đầu từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau. - Một giờ có 60 phút. - Đồng hồ chỉ 8 giờ. - Đồng hồ chỉ 9 giờ. - Là 1 giờ, là 60 phút. - Kim giờ đi từ số 8 đến số 9. - Kim phút đi từ số 12, qua các số 1, 2, 3, . . . rồi trở về số 12, đúng một vòng HS mặt đồng hồ. - Kim phút đi được là vòng hết 60 phút. - Đồng hồ chỉ 8 giờ đúng (8 giờ 0 phút). - Đồng hồ chỉ 8 giờ 5 phút. - Kim giờ chỉ qua số 8 một chút, kim phút chỉ ở số 1. - Đồng hồ chỉ 8 giờ 15 phút. - Kim giờ chỉ qua số 8, kim phút chỉ ở số 3. - Là 15 phút. Nêu giờ ứng với mỗi mặt đồng hồ.
10-12'	3.Thực hành Bài 1 -Biết cách xem đồng hồ		

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	<p>hồ chính xác đến từng phút</p> <p><u>Bài 2</u></p> <p>-Biết quay kim đồng hồ chỉ đúng thời gian đã cho</p> <p><u>Bài 3</u></p> <p>- xem đồng hồ điện tử</p> <p><u>Bài 4.</u></p> <p>-Biết thời điểm đồng hồ chỉ đúng tg</p> <p><u>4.Củng cố</u></p> <p><u>dẫn dò</u></p>	<p>+ Đồng hồ A chỉ mấy giờ?</p> <p>+ Vì sao em Biết đồng hồ A đang chỉ 4 giờ 15 phút?</p> <p>- Nhận xét và cho điểm</p> <p>-H:đồng hồ này là đồng hồ gì?</p> <p>- Vậy trên mặt đồng hồ điện tử không có kim, số đứng trước dấu chấm là số giờ, số đứng sau dấu chấm là số phút.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét</p> <p>-HS tự đọc giờ</p> <p>-GV nhận xét cho điểm</p> <p>- HS đọc giờ trên đồng hồ A.</p> <p>-16 giờ còn gọi là mấy giờ chiều?</p> <p>- Đồng hồ nào chỉ 4 giờ chiều?</p> <p>- Vậy vào buổi chiều, đồng hồ A và đồng hồ B chỉ cùng thời gian.</p> <p>- GV đọc giờ Y/c HS quay mô hình đồng hồ.</p> <p>- Nhận xét tiết học</p>	<p>- HS thực hiện theo Y/c</p> <p>- 4 giờ 15 phút.</p> <p>-Vì kim giờ chỉ qua số 4 một chút, kim phút chỉ ở số .</p> <p>- Đồng hồ điện tử không có kim.</p> <p>- 4 giờ 20 phút.</p> <p>- 16 giờ.</p> <p>-16 giờ còn gọi là 4 giờ chiều.</p> <p>- Đồng hồ B.</p>

TOÁN

Tiết 14: XEM ĐỒNG HỒ (tiếp theo)

I. Mục tiêu:

1.Kiến thức.

- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào các số từ 1 đến 12, rồi đọc theo hai cách chẳng hạn: “6 giờ 43 phút và 7 giờ kém 17 phút”.

- Tiếp tục củng cố biểu tượng về thời gian và hiểu Biết về thời điểm làm các công việc hàng ngày của HS .

2.Kỹ năng:

-Rèn cho HS có kỹ năng xem đồng hồ bằng hai cách nhanh, chính xác

3.Thái độ:

- Yêu thích và ham học toán, có óc nhạy cảm sáng tạo.

II. Đồ dùng.

- GV: - Mô hình đồng hồ

- HS : - SGK, thước kẻ, bút, Vở Bài tập.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	A.KTBC B.Bài mới	-Gọi HS lên sửa bài tập - GV đọc giờ, HS cả lớp quay mô hình đồng hồ.	-HS lên chữa bài -HS khác nhận xét
1'	1.GTB 2.Xem đồng hồ	- Chữa bài, nhận xét * Giờ học hôm nay chúng ta tiếp tục học cách xem đồng hồ chính xác đến từng phút.	-HS lắng nghe
10-12'	-Biết cách đọc đồng hồ theo 2 cách.	- Quay kim đến 8 giờ 35 phút và hỏi: Đồng hồ chỉ mấy giờ? - HS nêu vị trí kim giờ và kim phút khi đồng hồ chỉ 8 giờ 35 phút. - HS suy nghĩ để tính xem còn Thiếu bao nhiêu phút nữa thì đến 9 giờ. (Hướng dẫn HS : 1 giờ = 60 phút, vậy 35 phút cộng với bao nhiêu phút nữa thì bằng 60 phút?). - HS nêu lại vị trí kim giờ và kim phút khi đồng hồ chỉ 9 giờ kém 25 phút. - Hướng dẫn HS đọc các giờ trên các mặt đồng hồ còn lại. * Trong thực tế chúng ta thường có hai cách đọc giờ, đọc giờ hơn và đọc giờ kém. + Giờ hơn là các thời điểm khi kim phút chỉ chưa qua số 6, tính theo chiều quay của kim, ví dụ như 8 giờ, 8 giờ 5 phút, 7 giờ 15 phút, 9 giờ 30 phút . . . + Khi kim phút chỉ qua số 6 (từ số 7 đến số 11) ta gọi là giờ kém, ví dụ như 8 giờ kém 25 phút, 7 giờ kém 20 phút, 10 giờ kém 5 phút . . .	- HS lắng nghe - Đồng hồ chỉ 8 giờ 35 phút. - Kim giờ chỉ qua số 8, gần số 9, kim phút chỉ ở số 7. - Còn Thiếu 25 phút nữa thì đến 9 giờ. - Kim giờ chỉ gần số 9, kim phút chỉ ở số 7. - Theo dõi và ghi nhớ.
13-14'	3.Thực hành Bài 1	- Y/c của bài tập là gì? - Y/c 2 HS ngồi cạnh nhau thảo	- HS thực hiện - 6 giờ 55 phút.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
2-3'	<p>-Biết cách xem đồng hồ chính xác đến từng phút.</p> <p><u>Bài 2</u></p> <p>-Biết cách quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ đúng thời gian đã cho</p> <p><u>Bài 3</u></p> <p>-Biết đọc đồng hồ theo 2 cách</p> <p><u>Bài 4</u></p> <p>-Biết thời điểm và công việc hàng ngày của mình</p> <p><u>4.Củng cố</u></p> <p><u>dẫn dõ.</u></p>	<p>luận để làm bài tập.</p> <p>- Chữa bài:</p> <p>+ Đồng hồ A chỉ mấy giờ?</p> <p>+ 6 giờ 55 phút còn được gọi là mấy giờ?</p> <p>+ Nêu vị trí của kim giờ và kim phút trong đồng hồ A.</p> <p>- Nhận xét và cho điểm HS .</p> <p>- Tổ chức cho HS Thái quay kim đồng hồ nhanh.</p> <p>- Chia lớp thành 4 đội, Mỗi lượt chơi. Khi nghe GV hô một thời điểm nào đó (chẳng hạn 7 giờ 15)Đội nào giành được nhiều điểm nhất là đội thắng cuộc.</p> <p>- Đồng hồ A chỉ mấy giờ?</p> <p>- Tìm câu nêu đúng cách đọc giờ của đồng hồ A.</p> <p>- Y/c HS tự làm tiếp bài tập.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét</p> <p>- GV đọc giờ Y/c HS quay mô hình đồng hồ.</p> <p>- Về nhà luyện tập thêm về xem giờ.</p> <p>- Chuẩn bị bài: Luyện tập.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- 7 giờ kém 5 phút.</p> <p>- Kim giờ chỉ qua số 6 và gần số 7, kim phút chỉ ở số 11.</p> <p>- Quay kim đồng hồ theo các giờ SGK đưa ra và các giờ khác do GV qui định.</p> <p>- 8 giờ 45 phút hay 9 giờ kém 15 phút.</p> <p>- Câu d, 9 giờ kém 15 phút.</p> <p>- HS làm bài.</p> <p>+ Đồng hồ B ứng với câu g.</p> <p>+ Đồng hồ C ứng với câu e.</p> <p>+ Đồng hồ D ứng với câu b.</p> <p>+ Đồng hồ E ứng với câu a.</p> <p>+ Đồng hồ G ứng với câu c.</p> <p>- HS thực hiện</p>

TOÁN
Tiết 15: LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu.

1.Kiến thức.

- Biết xem giờ(chính xác đến 5 phút).
- Biết xác định $\frac{1}{2}, \frac{1}{3}$ của một nhóm đồ vật.

2.Kỹ năng:

-Rèn cho HS có kỹ năng xác định được số phần của nhóm đồ vật và xem đồng hồ nhanh, chính xác đến 5 phút.

3.Thái độ:

- Yêu thích và ham học toán, có óc nhạy cảm sáng tạo.

II.Đồ dùng.

- GV: - Mô hình đồng hồ
- HS : - SGK, thước kẻ, bút, Vở Bài tập.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	A.KTBC	- Gọi 3 HS lên bảng	-HS lên bảng chữa bài
1'	B.Bài mới 1.GTB	- Chữa bài, nhận xét và cho điểm *Giờ học hôm nay chúng ta đi luyện tập	-HS lắng nghe
28-30'	2.Luyện tập. Bài 1 -Biết cách đọc chính xác đến từng phút Bài 2 -Biết cách giải bài toán theo tóm tắt Bài 3 -Tìm được 1/3 số quả cam trong hình vẽ	- Y/c HS suy nghĩ và tự làm bài, sau đó Y/c 2 HS ngồi cạnh nhau đổi vở để kiểm tra bài lẫn nhau. - Chữa bài, nhận xét - Y/c HS đọc tóm tắt, sau đó dựa vào tóm tắt đọc thành đề toán. - Y/c HS suy nghĩ và tự làm bài. - Chữa bài, nhận xét và cho điểm - Y/c HS quan sát hình vẽ phần a) và hỏi: Hình nào đã khoanh vào một phần ba số quả cam? Vì sao? - Hình 2 đã khoanh vào một phần mấy số quả cam? Vì	- Cả lớp tự làm bài vào vở. - Mỗi chiếc thuyền chở được 5 người. Hỏi 4 chiếc thuyền như vậy chở được tất cả bao nhiêu người? - 1 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở. Bài giải Bốn chiếc thuyền chở được số người là: $5 \times 4 = 20$ (người) Đáp số: 20 người - Hình 1 đã khoanh vào một phần ba số quả cam. Vì có tất cả 12 quả cam, chia thành ba phần bằng nhau thì mỗi phần có 4 quả cam, hình 1 đã khoanh vào 4 quả cam. - Hình 2 đã khoanh vào một phần 4 số quả cam, vì có tất cả

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	<p><u>Bài 4</u> -Biết cách điền đúng dấu vào phép tính</p> <p><u>3.Củng cố</u> <u>dẫn dõ</u></p>	<p>sao?</p> <p>- Chữa bài, nhận xét và cho điểm</p> <p>- Viết lên bảng: $4 \times 7 \dots 4 \times 6$</p> <p>- Hỏi: Điền dấu gì vào chỗ trống? Vì sao?</p> <p>- Y/c HS tự làm các phần còn lại của bài.</p> <p>-Nhận xét cho điểm</p> <p>- Quay kim đồng hồ để các vị trí sau: 4 giờ 15 phút 9 giờ km 20 phút 15 giờ 20 phút 21 giờ km 15 phút.</p> <p>-Đọc các giờ trên bằng 2 cách</p> <p>- Chuẩn bị bài : Luyện tập chung.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>12 quả cam, chia thành 4 phần bằng nhau thì mỗi phần được 3 quả cam, hình b đã khoanh vào 3 quả cam.</p> <p>- Điền dấu lớn hơn vào chỗ trống , vì $4 \times 7 = 28, 4 \times 6 = 24$ m $28 > 24$.</p> <p>- 3 HS lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>$4 \times 7 > 4 \times 6$ $4 \times 5 = 5 \times 5$ $16 : 4 < 16 : 2$</p> <p>HS đứng tại chỗ quay kim đồng hồ và đọc giờ theo hai cách</p>

Tuần 4:

Thứ hai ngày 30 tháng 9 năm 20..

CHÀO CỜ

TOÁN

Tiết 16:

LUYỆN TẬP CHUNG

I. Mục tiêu.

1. Kiến thức:

- Biết làm tính cộng trừ các số có ba chữ số, kỹ năng thực hành tính nhân chia trong các bảng nhân, bảng chia đã học.
- Biết giải toán có lời văn (liên quan đến so sánh hai số hơn kém nhau một số đơn vị)

2. Kỹ năng:

- Rèn cho HS có kỹ năng nhân, chia cộng, trừ các số nhanh, thành thạo, chính xác.

3. Thái độ:

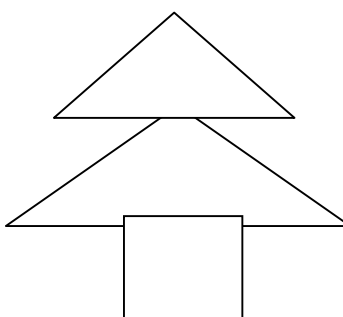
- Yêu thích và ham học toán, có óc nhạy cảm sáng tạo.

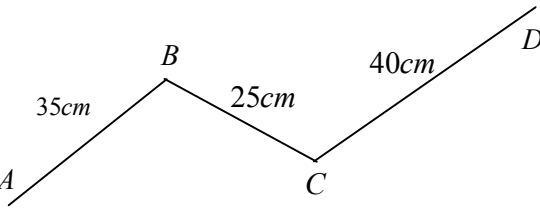
II. Đồ dùng.

- GV: - bảng phụ, thước kẻ, phấn màu
- HS : - SGK, thước kẻ, bút, Vở Bài tập.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
1'	1. Ôn định		
3'	2. Kiểm tra	- Gọi HS lên chữa bài tập - Nhận xét bài cũ.	-HS lên bảng chữa bài tập -HS khác nhận xét
32'	3. Bài mới Gới thiệu bài Luyện tập Bài 1 -Biết cách đặt tính rồi tính Bài 2 -Biết cách tìm thừa số, số chia chưa Biết	*Giờ học hôm nay chúng ta tiếp tục luyện tập chung. - Bài tập Y/c chúng ta làm gì? - Y/c HS tự làm bài. - Y/c 3 HS lên bảng , lần lượt nêu cách tính của từng phép tính. -GV chữa bài, nhận xét - Y/c HS đọc đề bài, sau đó tự làm bài. - Y/c HS nhắc lại cách tìm thừa số chưa Biết trong phép nhân, số bị chia chưa Biết trong phép chia khi Biết các thành phần còn lại của phép tính. - Chữa bài, nhận xét - Gọi HS đọc đề bài.	- Đặt tính rồi tính. - 3 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở. - HS lần lượt nêu cách tính của mình. - 3 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào bảng con. $\begin{array}{l} X \times 4 = 32 \quad x : 8 = 4 \\ x = 32 : 4 \quad x = 4 \times 8 \\ x = 8 \quad x = 32 \end{array}$ - Muốn tìm thừa số chưa Biết ta lấy tích chia cho thừa số đã Biết. - Muốn tìm số bị chia ta lấy

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3' 1'	<p><u>Bài 3</u> -Biết cách tính giá trị của biểu thức.</p> <p><u>Bài 4</u> -Biết cách tóm tắt và giải bài toán đơn</p> <p><u>Bài 5:</u> -Biết cách vẽ hình theo mẫu</p> <p>4. <u>Củng cố</u> 5. <u>Dặn dò</u></p>	<p>Gọi HS nêu cách tính giá trị của biểu thức</p> <p>-Cho HS tự làm rồi lên bảng chữa</p> <p>-Gọi HS đọc y/c bài</p> <p>-Bài toán Y/c chúng ta làm gì?</p> <p>- Muốn Biết thùng thứ hai có nhiều hơn thùng thứ nhất bao nhiêu lít dầu ta phải làm thế nào?</p> <p>- Y/c HS làm bài.</p> <p>- GV chữa bài, nhận xét và cho điểm HS .</p> <p>- Y/c HS tự vẽ hình, sau đó Y/c HS ngồi cạnh nhau đổi vở để kiểm tra bài lẫn nhau.</p> <p>- Hình “ Cây thông”, gồm những hình nào ghép lại với nhau?</p> <p>- Nêu cách tìm thừa số chưa Biết?</p> <p>- Muốn tìm số bị chia ta làm như thế nào?</p> <p>-Nêu cách tính giá trị biểu thức có phép tính chia và trừ.</p> <p>- Chuẩn bị bài sau: bảng nhân 6.</p> <p>- GV nhận xét tiết học.</p>	<p>Thương nhân với số chia. 1HS đọc đề, cả lớp đọc thầm. -HS lên bảng chữa bài -HS khác nhận xét</p> <p>-HS đọc y/c bài</p> <p>- Bài toán Y/c chúng ta tìm số lít dầu thùng thứ hai có nhiều hơn thùng thứ nhất.</p> <p>- Ta phải lấy số dầu của thùng thứ hai trừ đi số dầu của thùng thứ nhất.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Số lít dầu thùng thứ hai có nhiều hơn thùng thứ nhất là: $160 - 125 = 35$ (lít) Đáp số: 35 lít</p> <p>-HS thực hành vẽ theo mẫu.</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>-Hình “cây thông” gồm có hai hình tam giác tạo thành tán lá và một hình vuông tạo thành thân cây</p> <p>-HS nêu</p>

<p>3' 1'</p>	<p>3. Củng cố 4. Dẫn dò</p>	<p>Bài 4: a). Tính độ dài đường gấp khúc ABCD (có kích thước như hình vẽ) :</p>  <p>b). Đường gấp khúc ABCD có độ dài 1 mấy mét? <u>Cách đánh giá:</u> Bài 1: (4 điểm). Mỗi phép tính đúng được một điểm. Bài 2: (1 điểm). Khoanh vào đúng mỗi câu được 0,5 điểm. Bài 3: (2,5 điểm). - Viết câu trả lời đúng được 1 điểm. - Viết phép tính đúng được 1 điểm. - Đáp số đúng được 0,5 điểm. Bài 4: (2,5 điểm). a) Tính đúng độ dài đường gấp khúc được 2 điểm gồm: - Câu trả lời đúng được 1 điểm. - Viết phép tính đúng được 1 điểm. b) Đổi độ dài đường gấp khúc ra mét được 0,5 điểm. (100cm = 1 m) -Thu vở chấm điểm -Nhận xét bài kiểm tra -Chữa bài cho HS</p>	<p><u>Bài giải</u> Số cái cốc 8 hộp có là: $4 \times 8 = 32$ (cái cốc) Đáp số : 32 cái cốc. Bài 4: <u>Bài giải</u> a) Độ dài đường gấp khúc ABCD là: $35 + 25 + 40 = 100$ (cm) Đáp số : 100 cm. b) Đường gấp khúc ABCD có độ dài là 1 mét. Vì $100 \text{ cm} = 1 \text{ m}$ -HS lắng nghe</p>
------------------	---	--	--

TOÁN BẢNG NHÂN 6

Tiết 18:

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Bước đầu thuộc bảng nhân 6.
- Vận dụng bảng nhân 6 và giải bài toán có phép nhân.

2. Kỹ năng:

- Rèn cho HS có kỹ năng vận dụng bảng nhân vào giải toán nhanh, chính xác, cẩn thận.

3. Thái độ:

- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II. Đồ dùng

- GV: -10 tấm bìa, mỗi tấm có gắn 6 hình HS hoặc 6 hình tam giác, 6 hình vuông,
- Bảng phụ kẻ sẵn nội dung bài tập 3.
- HS : - thước kẻ, bút, vở Bài tập.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
1'	1. Ôn định		
3'	2. Kiểm tra	- Nhận xét bài kiểm tra	- HS lắng nghe
32'	3. Bài mới a. Giới thiệu bài b. Hướng dẫn lập bảng nhân 6.	*Trong giờ học toán hôm nay, các em sẽ được học bảng nhân 6 và vận dụng bảng nhân này để giải các bài tập có liên quan. - Gắn 1 tấm bìa có 6 chấm HS lên bảng và hỏi: Có mấy chấm HS? - 6 chấm HS được lấy mấy lần?	- Có 6 chấm HS . - 6 chấm HS này được lấy 1 lần.